

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 09 - 7 - 2021  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tăng Giàu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Hoàng

Ông Nguyễn Văn Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Quốc Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**Chị Lâm Thị N, sinh năm 1988; cư trú tại Ấp 1, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

**- Bị đơn:** Anh Ngô Văn L, sinh năm 1987; cư trú tại ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Lâm Thị N trình bày:* Chị N và anh L được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương vào khoảng năm 2007. Sau đó vợ chồng anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Trạch (nay là xã An Trạch A) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, nhưng sau này vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Vợ chồng anh chị không còn sống chung từ năm 2012 đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được và chị cũng không còn tình cảm gì với anh L nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị N và anh L có hai người con chung tên Ngô Thị N, sinh ngày 29/10/2007 và Ngô Văn K, sinh ngày 29/10/2007, hiện tại đang sống với anh L, chị đồng ý giao hai người con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị Lâm Thị N xác định, chị N và anh L tự thỏa thuận về tài sản chung; đồng thời anh chị không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Ngô Văn L:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như triệu tập anh L tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh L vắng mặt không rõ lý do.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:*

*Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị N đúng theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh L chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Thị N đối với anh Ngô Văn L; về con chung tiếp tục giao các cháu Ngô Thị N, sinh ngày 29/10/2007 và Ngô Văn K, sinh ngày 29/10/2007 cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng, chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí toàn bộ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lâm Thị N yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn L và giao các cháu Ngô Thị N, sinh ngày 29/10/2007 và Ngô Văn K, sinh ngày 29/10/2007 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng; bị đơn anh L, cư trú tại ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nên đây là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn, nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt các đương sự: Chị Lâm Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận; anh Ngô Văn L đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; các điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh L.

[4]. Về nội dung: Chị Lâm Thị N và anh Ngô Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Trạch A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân giữa chị N và anh L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị N đối với anh Ngô Văn L. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được, hiện tại anh chị không còn sống chung, nên hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Căn cứ Biên bản về việc xác minh tình trạng hôn nhân của chị Lâm Thị N và anh Ngô Văn L, đại diện Ban nhân dân ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xác định quá trình chung sống giữa chị N và anh L hay cự cãi, do bất đồng quan điểm, gia đình hai bên có hòa giải nhưng không hàn gắn được.

[6]. Xét thấy, mục đích hôn nhân là để tạo dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải yêu thương, quý trọng và chăm sóc lẫn nhau, nhưng trong thời gian chung sống chị N và anh L phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng không hàn gắn được, hiện tại anh chị không còn sống chung, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh L.

[7]. Về con chung: Chị Lâm Thị N xác định, chị N và anh L có hai người con chung cháu Ngô Thị N, sinh ngày 29/10/2007 và cháu Ngô Văn K, sinh ngày 29/10/2007, hiện tại đang sống với anh L; khi ly hôn chị đồng ý giao các con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ nhỏ đến nay các con chung đều do anh L chăm sóc nuôi dưỡng, để đảm bảo cuộc sống của cháu N và cháu K, tránh làm xáo trộn cuộc sống của các cháu, cần tiếp tục giao các cháu N và K cho anh Ngô Văn L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Chị Lâm Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Lâm Thị N không đặt ra nên không xem xét, giải quyết.

[8]. Về tài sản chung và nợ: Chị Lâm Thị N xác định, chị N và anh L tự thỏa thuận về tài sản chung và anh chị cũng không nợ ai, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lâm Thị N phải chịu 300.000 đồng, chị N đã nộp số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí toàn bộ.

[10]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; các điểm a, b khoản 1 Điều 227; các điểm a, b khoản 1 Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị N đối với anh Ngô Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Thị N, sinh ngày 29/10/2007 và cháu Ngô Văn K, sinh ngày 29/10/2007 cho anh Ngô Văn L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Chị Lâm Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lâm Thị N phải chịu 300.000 đồng. Chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0011616 ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lâm Thị N và anh Ngô Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- UBND xã An Trạch A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Tăng Giàu**

